

DANH SÁCH HỌC HỌC VIÊN TRÚNG TUYỂN CAO HỌC K34 ĐỢT 2 NĂM 2025

STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Hình thức học	Chương trình đào tạo
1	CH345200	Bùi Thiên	An	Bùi Thiên An	Nữ	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
2	CH345201	Đậu Thị Mai	An	Đậu Thị Mai An	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
3	CH345202	Đinh Nguyễn Tường	An	Đinh Nguyễn Tường An	Nam	2003	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
4	CH345203	Nguyễn Mạnh Huy	An	Nguyễn Mạnh Huy An	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
5	CH345204	Nguyễn Thị Hà	An	Nguyễn Thị Hà An	Nữ	2000	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
6	CH345205	Cao Trường	Anh	Cao Trường Anh	Nam	2000	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
7	CH345206	Dương Đức	Anh	Dương Đức Anh	Nam	2003	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
8	CH345207	Đỗ Đức	Anh	Đỗ Đức Anh	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
9	CH345208	Đỗ Lâm	Anh	Đỗ Lâm Anh	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
10	CH345209	Hồ Đức	Anh	Hồ Đức Anh	Nam	1997	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
11	CH345210	Lê Duy	Anh	Lê Duy Anh	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Toán Kinh tế - Tài chính
12	CH345211	Lê Đình Nhật	Anh	Lê Đình Nhật Anh	Nam	1995	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý công
13	CH345212	Lê Quỳnh	Anh	Lê Quỳnh Anh	Nữ	2000	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Toán Kinh tế - Tài chính
14	CH345213	Lỗ Quốc	Anh	Lỗ Quốc Anh	Nam	2001	Hòa Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
15	CH345214	Nguyễn Hoàn Châu	Anh	Nguyễn Hoàn Châu Anh	Nữ	2003	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
16	CH345215	Nguyễn Kỳ	Anh	Nguyễn Kỳ Anh	Nữ	2003	Cao Bằng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
17	CH345216	Nguyễn Lan	Anh	Nguyễn Lan Anh	Nữ	1997	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
18	CH345217	Nguyễn Lan	Anh	Nguyễn Lan Anh	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
19	CH345218	Nguyễn Mai Thảo	Anh	Nguyễn Mai Thảo Anh	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế quốc tế
20	CH345219	Nguyễn Minh	Anh	Nguyễn Minh Anh	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh (Viện)
21	CH345220	Nguyễn Ngọc	Anh	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế và quản lý môi trường
22	CH345221	Nguyễn Ngọc	Anh	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	2001	Lạng Sơn	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
23	CH345222	Nguyễn Ngọc Mai	Anh	Nguyễn Ngọc Mai Anh	Nữ	2000	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
24	CH345223	Nguyễn Phương	Anh	Nguyễn Phương Anh	Nữ	2003	Điện Biên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
25	CH345224	Nguyễn Quốc Hùng	Anh	Nguyễn Quốc Hùng Anh	Nam	1993	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
26	CH345225	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	2000	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
27	CH345226	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	1999	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Luật kinh tế
28	CH345227	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	2003	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Hệ thống thông tin quản lý
29	CH345228	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	2000	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế chính trị
30	CH345229	Nguyễn Vũ Quỳnh	Anh	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	Nữ	2003	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
31	CH345230	Phạm Hải	Anh	Phạm Hải Anh	Nữ	2003	Phú Thọ	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
32	CH345231	Phạm Lê Hải	Anh	Phạm Lê Hải Anh	Nam	2003	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
33	CH345232	Tạ Ngọc	Anh	Tạ Ngọc Anh	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
34	CH345233	Trần Duy	Anh	Trần Duy Anh	Nam	1998	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
35	CH345234	Trần Hải	Anh	Trần Hải Anh	Nữ	2003	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
36	CH345235	Trần Mai	Anh	Trần Mai Anh	Nữ	2003	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
37	CH345236	Trần Phạm Ngọc	Anh	Trần Phạm Ngọc Anh	Nữ	1999	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
38	CH345237	Trần Thị Vân	Anh	Trần Thị Vân Anh	Nữ	2003	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
39	CH345238	Trần Vũ Tú	Anh	Trần Vũ Tú Anh	Nữ	2001	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
40	CH345239	Trịnh Quỳnh	Anh	Trịnh Quỳnh Anh	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
41	CH345240	Trương Nam	Anh	Trương Nam Anh	Nam	2000	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
42	CH345241	Trương Thị Ngọc	Anh	Trương Thị Ngọc Anh	Nữ	1999	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
43	CH345242	Vì Thị Mai	Anh	Vì Thị Mai Anh	Nữ	2003	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
44	CH345243	Vũ Phương	Anh	Vũ Phương Anh	Nữ	2003	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
45	CH345246	Vũ Tuấn	Anh	Vũ Tuấn Anh	Nam	2003	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
46	CH345244	Vũ Thế	Anh	Vũ Thế Anh	Nam	1995	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
47	CH345245	Vũ Thị Quỳnh	Anh	Vũ Thị Quỳnh Anh	Nữ	2003	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
48	CH345247	Vương Thị Hải	Anh	Vương Thị Hải Anh	Nữ	1996	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
49	CH345248	Đỗ Ngọc	Anh	Đỗ Ngọc Anh	Nữ	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế chính trị
50	CH345249	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	2003	Phú Thọ	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
51	CH345250	Phạm Văn	Anh	Phạm Văn Anh	Nam	1995	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh (Viện)
52	CH345251	Bùi Gia	Bảo	Bùi Gia Bảo	Nam	2001	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
53	CH345252	Nguyễn Quý	Bảo	Nguyễn Quý Bảo	Nam	2001	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
54	CH345253	Từ Gia	Bảo	Từ Gia Bảo	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
55	CH345254	Đỗ Lương	Bằng	Đỗ Lương Bằng	Nam	1999	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
56	CH345260	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	1982	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
57	CH345255	Đinh Mỹ	Bình	Đinh Mỹ Bình	Nữ	2002	Lai Châu	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
58	CH345256	Nguyễn Cư Nhật	Bình	Nguyễn Cư Nhật Bình	Nam	2002	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
59	CH345257	Nguyễn Duy	Bình	Nguyễn Duy Bình	Nam	2002	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
60	CH345258	Nguyễn Thị	Bình	Nguyễn Thị Bình	Nữ	2002	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
61	CH345259	Phạm Thị	Bình	Phạm Thị Bình	Nữ	2002	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
62	CH345261	Nguyễn Thanh	Cánh	Nguyễn Thanh Cánh	Nam	1988	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
63	CH345281	Nguyễn Văn	Công	Nguyễn Văn Công	Nam	2001	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
64	CH345282	Đặng Kim	Cúc	Đặng Kim Cúc	Nữ	2000	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị nhân lực
65	CH345283	Bùi Quang	Cường	Bùi Quang Cường	Nam	1990	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh bất động sản
66	CH345284	Cao Mạnh	Cường	Cao Mạnh Cường	Nam	2001	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
67	CH345285	Nguyễn Viết	Cường	Nguyễn Viết Cường	Nam	2000	Lào Cai	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế và quản lý thương mại
68	CH345262	Đinh Thị Minh	Châu	Đinh Thị Minh Châu	Nữ	1993	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế và quản lý thương mại
69	CH345263	Nguyễn Minh	Châu	Nguyễn Minh Châu	Nữ	2003	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
70	CH345264	Nguyễn Phạm Minh	Châu	Nguyễn Phạm Minh Châu	Nữ	2001	Hà Tây	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
71	CH345265	Bùi Khánh	Chi	Bùi Khánh Chi	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
72	CH345266	Cao Lê Yến	Chi	Cao Lê Yến Chi	Nữ	2003	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế quốc tế
73	CH345267	Cao Thị Quỳnh	Chi	Cao Thị Quỳnh Chi	Nữ	2003	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý công
74	CH345268	Đàm Linh	Chi	Đàm Linh Chi	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
75	CH345269	Đặng Linh	Chi	Đặng Linh Chi	Nữ	2003	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
76	CH345270	Lê Linh	Chi	Lê Linh Chi	Nữ	2001	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
77	CH345271	Lê Thị Linh	Chi	Lê Thị Linh Chi	Nữ	1998	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý công
78	CH345272	Lê Thị Linh	Chi	Lê Thị Linh Chi	Nữ	1998	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý
79	CH345273	Ngô Hà	Chi	Ngô Hà Chi	Nữ	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
80	CH345274	Nguyễn Lan	Chi	Nguyễn Lan Chi	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị nhân lực
81	CH345275	Nguyễn Ngọc Lan	Chi	Nguyễn Ngọc Lan Chi	Nữ	2002	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh

DANH SÁCH HỌC VIÊN TRÚNG TUYỂN CAO HỌC K34 ĐỢT 2 NĂM 2025

STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Hình thức học	Chương trình đào tạo
82	CH345276	Nguyễn Thị Ngân	Chi	Nguyễn Thị Ngân Chi	Nữ	2003	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
83	CH345277	Trịnh Hoàng Phương	Chi	Trịnh Hoàng Phương Chi	Nữ	2002	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
84	CH345278	Vũ Quỳnh	Chi	Vũ Quỳnh Chi	Nữ	2002	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị nhân lực
85	CH345279	Trần Kiều	Chinh	Trần Kiều Chinh	Nữ	2000	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
86	CH345280	Trần Đức	Chinh	Trần Đức Chinh	Nam	2001	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
87	CH345286	Lê Hải	Danh	Lê Hải Danh	Nam	1999	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
88	CH345287	Lâm Ngọc	Diệp	Lâm Ngọc Diệp	Nữ	2001	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
89	CH345288	Lê Ngọc	Diệp	Lê Ngọc Diệp	Nữ	2002	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
90	CH345289	Tạ Thị Bích	Diệp	Tạ Thị Bích Diệp	Nữ	2003	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
91	CH345290	Hoàng Huyền	Diệu	Hoàng Huyền Diệu	Nữ	1998	Cao Bằng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
92	CH345291	Nguyễn Xuân	Diệu	Nguyễn Xuân Diệu	Nam	2003	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
93	CH345292	Lê Thảo	Dung	Lê Thảo Dung	Nữ	2002	Hà Tây	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn
94	CH345293	Mai Thị Lê	Dung	Mai Thị Lê Dung	Nữ	2001	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
95	CH345294	Nguyễn Khánh	Dung	Nguyễn Khánh Dung	Nữ	1994	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
96	CH345295	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ	1990	Quảng Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
97	CH345296	Phạm Thủy	Dung	Phạm Thủy Dung	Nữ	2001	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
98	CH345309	Cao Trí	Dũng	Cao Trí Dũng	Nam	2002	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
99	CH345310	Hà Anh	Dũng	Hà Anh Dũng	Nam	2003	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
100	CH345311	Lê Việt	Dũng	Lê Việt Dũng	Nam	1991	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
101	CH345312	Nguyễn Anh	Dũng	Nguyễn Anh Dũng	Nam	1997	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Luật kinh tế
102	CH345313	Nguyễn Trọng	Dũng	Nguyễn Trọng Dũng	Nam	2003	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
103	CH345314	Phạm Trí	Dũng	Phạm Trí Dũng	Nam	2002	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
104	CH345297	Đình Ngọc	Duy	Đình Ngọc Duy	Nam	2001	Lào Cai	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
105	CH345298	Đỗ Khương	Duy	Đỗ Khương Duy	Nam	2002	Yên Bái	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
106	CH345299	Lê Đình	Duy	Lê Đình Duy	Nam	2003	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
107	CH345300	Nguyễn Đức	Duy	Nguyễn Đức Duy	Nam	1999	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
108	CH345301	Nguyễn Hoàng	Duy	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế đầu tư
109	CH345302	Nguyễn Ngọc	Duy	Nguyễn Ngọc Duy	Nam	1987	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
110	CH345303	Nguyễn Quốc	Duy	Nguyễn Quốc Duy	Nam	2003	Hà Tây	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
111	CH345304	Phạm Thái	Duy	Phạm Thái Duy	Nam	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Hệ thống thông tin quản lý
112	CH345305	Tô Khánh	Duy	Tô Khánh Duy	Nam	2003	Hà Tây	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
113	CH345306	Trần Khánh	Duy	Trần Khánh Duy	Nam	2003	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
114	CH345307	Nguyễn Thị	Duyên	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	2001	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
115	CH345308	Trần Cao Kỳ	Duyên	Trần Cao Kỳ Duyên	Nữ	2003	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Toán Kinh tế - Tài chính
116	CH345315	Bùi Quý	Dương	Bùi Quý Dương	Nam	1996	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
117	CH345316	Đỗ Thủy	Dương	Đỗ Thủy Dương	Nữ	2003	Yên Bái	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
118	CH345317	La Thị Thùy	Dương	La Thị Thùy Dương	Nữ	2002	Hà Giang	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
119	CH345318	Lê Quốc	Dương	Lê Quốc Dương	Nam	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
120	CH345319	Nguyễn Đình Hoàng	Dương	Nguyễn Đình Hoàng Dương	Nam	2003	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
121	CH345320	Nguyễn Đức	Dương	Nguyễn Đức Dương	Nam	2003	Lào Cai	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế đầu tư
122	CH345321	Nguyễn Hữu Bình	Dương	Nguyễn Hữu Bình Dương	Nam	2000	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
123	CH345322	Nguyễn Quý	Dương	Nguyễn Quý Dương	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
124	CH345323	Nguyễn Thành	Dương	Nguyễn Thành Dương	Nam	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
125	CH345324	Nguyễn Thị Ánh	Dương	Nguyễn Thị Ánh Dương	Nữ	2002	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
126	CH345325	Phan Mạnh	Dương	Phan Mạnh Dương	Nam	1998	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
127	CH345327	Tô Thị Ánh	Dương	Tô Thị Ánh Dương	Nữ	2003	Vĩnh Phúc	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
128	CH345326	Thần Hoàng	Dương	Thần Hoàng Dương	Nam	2003	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế quốc tế
129	CH345328	Hoàng Thị	Đào	Hoàng Thị Đào	Nữ	1992	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
130	CH345329	Dương Quang	Đạt	Dương Quang Đạt	Nam	2000	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
131	CH345330	Lê Thành	Đạt	Lê Thành Đạt	Nam	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
132	CH345331	Lê Thành	Đạt	Lê Thành Đạt	Nam	2000	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
133	CH345332	Nguyễn Xuân	Đạt	Nguyễn Xuân Đạt	Nam	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý công
134	CH345333	Phan Tiến	Đạt	Phan Tiến Đạt	Nam	2003	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
135	CH345334	Trương Thành	Đạt	Trương Thành Đạt	Nam	2002	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
136	CH345335	Phí Ngọc	Diệp	Phí Ngọc Diệp	Nam	1994	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
137	CH345336	Trương Xuân	Đình	Trương Xuân Đình	Nam	2000	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
138	CH345337	Nguyễn Thành	Đồng	Nguyễn Thành Đồng	Nam	2003	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
139	CH345338	Bùi Minh	Đức	Bùi Minh Đức	Nam	2002	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Luật kinh tế
140	CH345339	Dương Mỹ	Đức	Dương Mỹ Đức	Nữ	2003	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
141	CH345340	Ngô Ngọc	Đức	Ngô Ngọc Đức	Nam	2003	Lào Cai	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
142	CH345341	Nguyễn Anh	Đức	Nguyễn Anh Đức	Nam	2000	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
143	CH345342	Nguyễn Huy	Đức	Nguyễn Huy Đức	Nam	1992	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
144	CH345343	Nguyễn Mạnh	Đức	Nguyễn Mạnh Đức	Nam	1999	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
145	CH345344	Nguyễn Thị Hồng	Đức	Nguyễn Thị Hồng Đức	Nữ	1988	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế nông nghiệp
146	CH345345	Nguyễn Trung	Đức	Nguyễn Trung Đức	Nam	1993	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
147	CH345346	Nguyễn Việt	Đức	Nguyễn Việt Đức	Nam	2002	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
148	CH345347	Vũ Tiến	Đức	Vũ Tiến Đức	Nam	2003	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Toán Kinh tế - Tài chính
149	CH345348	Bùi Trường	Giang	Bùi Trường Giang	Nam	2003	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
150	CH345349	Hoa Ngọc	Giang	Hoa Ngọc Giang	Nữ	2002	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
151	CH345350	Hoàng Thu	Giang	Hoàng Thu Giang	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
152	CH345351	Lương Trường	Giang	Lương Trường Giang	Nam	2003	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
153	CH345352	Nguyễn Hương	Giang	Nguyễn Hương Giang	Nữ	2003	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
154	CH345353	Nguyễn Lâm	Giang	Nguyễn Lâm Giang	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh quốc tế
155	CH345354	Nguyễn Linh	Giang	Nguyễn Linh Giang	Nữ	2002	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
156	CH345355	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	2002	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
157	CH345356	Nguyễn Thị Thu	Giang	Nguyễn Thị Thu Giang	Nữ	2000	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
158	CH345357	Phí Thị Hương	Giang	Phí Thị Hương Giang	Nữ	2001	Hà Tây	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
159	CH345358	Phùng Thị Hương	Giang	Phùng Thị Hương Giang	Nữ	2001	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
160	CH345359	Trần Hương	Giang	Trần Hương Giang	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
161	CH345360	Trần Hương	Giang	Trần Hương Giang	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế đầu tư
162	CH345361	Dương Thị Thu	Hà	Dương Thị Thu Hà	Nữ	2000	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh

DANH SÁCH HỌC HỌC VIÊN TRÚNG TUYỂN CAO HỌC K34 ĐỢT 2 NĂM 2025

STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Hình thức học	Chương trình đào tạo
163	CH345362	Dương Thị Thuý	Hà	Dương Thị Thuý Hà	Nữ	1996	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
164	CH345363	Đặng Thị Hải	Hà	Đặng Thị Hải Hà	Nữ	2002	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
165	CH345364	Đoàn Thị Ngọc	Hà	Đoàn Thị Ngọc Hà	Nữ	2003	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế và quản lý môi trường
166	CH345365	Lê Thị Ngân	Hà	Lê Thị Ngân Hà	Nữ	2003	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
167	CH345366	Lê Thị Thu	Hà	Lê Thị Thu Hà	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
168	CH345367	Nguyễn Hoàng	Hà	Nguyễn Hoàng Hà	Nữ	2002	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
169	CH345368	Nguyễn Hồng	Hà	Nguyễn Hồng Hà	Nữ	2002	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
170	CH345369	Nguyễn Khánh	Hà	Nguyễn Khánh Hà	Nữ	1998	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị nhân lực
171	CH345370	Nguyễn Ngân	Hà	Nguyễn Ngân Hà	Nữ	2002	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
172	CH345371	Nguyễn Ngọc	Hà	Nguyễn Ngọc Hà	Nữ	2000	Tuyên Quang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
173	CH345372	Nguyễn Thị Ngân	Hà	Nguyễn Thị Ngân Hà	Nữ	2003	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
174	CH345373	Nguyễn Thu	Hà	Nguyễn Thu Hà	Nữ	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
175	CH345374	Phạm Ngọc	Hà	Phạm Ngọc Hà	Nữ	2001	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
176	CH345375	Trần Hoàng	Hà	Trần Hoàng Hà	Nữ	2003	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh thương mại
177	CH345376	Trần Thu	Hà	Trần Thu Hà	Nữ	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
178	CH345385	Nguyễn Cao Minh	Ha	Nguyễn Cao Minh Hạ	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị nhân lực
179	CH345377	Nguyễn Thị	Hải	Nguyễn Thị Hải	Nữ	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
180	CH345378	Bùi Thanh	Hải	Bùi Thanh Hải	Nữ	2000	Hòa Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
181	CH345379	Dương Đức	Hải	Dương Đức Hải	Nam	2001	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
182	CH345380	Nguyễn Đức	Hải	Nguyễn Đức Hải	Nam	1999	Phú Yên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế và quản lý thương mại
183	CH345381	Nguyễn Hữu	Hải	Nguyễn Hữu Hải	Nam	1996	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
184	CH345382	Phan Thanh	Hải	Phan Thanh Hải	Nam	1974	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
185	CH345383	Trần Hậu Ngọc	Hải	Trần Hậu Ngọc Hải	Nam	2000	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
186	CH345384	Trương Đại	Hải	Trương Đại Hải	Nam	1994	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
187	CH345386	Bùi Hồng	Hạnh	Bùi Hồng Hạnh	Nữ	2003	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
188	CH345387	Dương Hồng	Hạnh	Dương Hồng Hạnh	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
189	CH345388	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	Đỗ Thị Hồng Hạnh	Nữ	2000	Son La	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
190	CH345389	Nguyễn Phương	Hạnh	Nguyễn Phương Hạnh	Nữ	1997	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh thương mại
191	CH345390	Nguyễn Thị	Hạnh	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	2001	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế bảo hiểm
192	CH345391	Lê Minh	Hằng	Lê Minh Hằng	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
193	CH345392	Lê Thanh	Hằng	Lê Thanh Hằng	Nữ	2003	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
194	CH345393	Lê Thị Thanh	Hằng	Lê Thị Thanh Hằng	Nữ	2002	Quảng Trị	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý công
195	CH345394	Lê Thúy	Hằng	Lê Thúy Hằng	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
196	CH345395	Nguyễn Thanh	Hằng	Nguyễn Thanh Hằng	Nữ	2001	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý
197	CH345396	Tạ Thị Minh	Hiền	Tạ Thị Minh Hiền	Nữ	2000	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
198	CH345397	Vũ Thị Ngọc	Hân	Vũ Thị Ngọc Hân	Nữ	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
199	CH345398	Dương Thị Thủy	Hậu	Dương Thị Thủy Hậu	Nữ	2001	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
200	CH345399	Bùi Minh	Hiền	Bùi Minh Hiền	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Toán Kinh tế - Tài chính
201	CH345400	Đỗ Thị Thuý	Hiền	Đỗ Thị Thuý Hiền	Nữ	2002	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế nông nghiệp
202	CH345401	Nguyễn Thị	Hiền	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	2000	Hà Tây	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
203	CH345402	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nữ	2001	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
204	CH345403	Nguyễn Thị Thuý	Hiền	Nguyễn Thị Thuý Hiền	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
205	CH345404	Trần Thục	Hiền	Trần Thục Hiền	Nữ	1997	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
206	CH345405	Vũ Thảo	Hiền	Vũ Thảo Hiền	Nữ	2000	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
207	CH345406	Vũ Thị Thuý	Hiền	Vũ Thị Thuý Hiền	Nữ	1999	Yên Bái	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
208	CH345407	Nguyễn Minh	Hiền	Nguyễn Minh Hiền	Nam	2004	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế và quản lý thương mại
209	CH345408	Lê Anh	Hiệu	Lê Anh Hiệu	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
210	CH345409	Tô Trung	Hiệu	Tô Trung Hiệu	Nam	2000	Son La	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
211	CH345410	Trần Đức	Hiệu	Trần Đức Hiệu	Nam	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
212	CH345411	Vũ Minh	Hiệu	Vũ Minh Hiệu	Nam	1997	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
213	CH345412	Dương Quỳnh	Hoa	Dương Quỳnh Hoa	Nữ	1989	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
214	CH345413	Đỗ Quỳnh	Hoa	Đỗ Quỳnh Hoa	Nữ	2003	Yên Bái	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
215	CH345414	Đỗ Quỳnh	Hoa	Đỗ Quỳnh Hoa	Nữ	2002	Lạng Sơn	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
216	CH345415	Phạm Mai	Hoa	Phạm Mai Hoa	Nữ	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị nhân lực
217	CH345416	Trần Thị Hồng	Hoa	Trần Thị Hồng Hoa	Nữ	1997	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
218	CH345417	Trương Mỹ	Hoa	Trương Mỹ Hoa	Nữ	2003	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
219	CH345418	Vũ Thị Quỳnh	Hoa	Vũ Thị Quỳnh Hoa	Nữ	2002	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
220	CH345419	Phan Thị Phước	Hoà	Phan Thị Phước Hoà	Nữ	2000	Quảng Trị	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
221	CH345427	Phan Trần Khánh	Hòa	Phan Trần Khánh Hòa	Nữ	2004	Quảng Trị	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
222	CH345420	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	2001	Lai Châu	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
223	CH345421	Hoàng Minh	Hoàng	Hoàng Minh Hoàng	Nam	2002	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
224	CH345422	Nguyễn Đình	Hoàng	Nguyễn Đình Hoàng	Nam	2001	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
225	CH345423	Nguyễn Minh	Hoàng	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Luật kinh tế
226	CH345424	Nguyễn Thái	Hoàng	Nguyễn Thái Hoàng	Nam	2003	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế và quản lý thương mại
227	CH345425	Phí Việt	Hoàng	Phí Việt Hoàng	Nam	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
228	CH345426	Vũ Huy	Hoàng	Vũ Huy Hoàng	Nam	1995	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
229	CH345428	Hoàng Thị	Hồng	Hoàng Thị Hồng	Nữ	2000	Lạng Sơn	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
230	CH345429	Mai Thị Kim	Hồng	Mai Thị Kim Hồng	Nữ	2002	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
231	CH345430	Nguyễn Thanh	Hồng	Nguyễn Thanh Hồng	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
232	CH345432	Lưu Thị	Huệ	Lưu Thị Huệ	Nữ	1997	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
233	CH345431	Tạ Mạnh	Hùng	Tạ Mạnh Hùng	Nam	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
234	CH345433	Đào Trần Quốc	Huy	Đào Trần Quốc Huy	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
235	CH345434	Hà Đức	Huy	Hà Đức Huy	Nam	2002	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
236	CH345435	Hoàng Quang	Huy	Hoàng Quang Huy	Nam	2002	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
237	CH345436	Hoàng Việt	Huy	Hoàng Việt Huy	Nam	1989	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
238	CH345437	Nguyễn Minh	Huy	Nguyễn Minh Huy	Nam	2000	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
239	CH345438	Nguyễn Phan Trong	Huy	Nguyễn Phan Trong Huy	Nam	2001	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
240	CH345439	Nguyễn Quang	Huy	Nguyễn Quang Huy	Nam	1999	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh quốc tế
241	CH345440	Nguyễn Quang	Huy	Nguyễn Quang Huy	Nam	2001	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
242	CH345441	Phan	Huy	Phan Huy	Nam	1999	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
243	CH345442	Trần Đức	Huy	Trần Đức Huy	Nam	2001	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách

DANH SÁCH HỌC HỌC VIÊN TRÚNG TUYỂN CAO HỌC K34 ĐỢT 2 NĂM 2025

STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Hình thức học	Chương trình đào tạo
244	CH345443	Bùi Thị Khánh	Huyền	Bùi Thị Khánh Huyền	Nữ	1996	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
245	CH345444	Giang Thanh	Huyền	Giang Thanh Huyền	Nữ	1995	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
246	CH345445	Kiều Ngọc	Huyền	Kiều Ngọc Huyền	Nữ	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
247	CH345446	Lê Phương Thảo	Huyền	Lê Phương Thảo Huyền	Nữ	2003	Hà Tây	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
248	CH345447	Ngô Ngọc	Huyền	Ngô Ngọc Huyền	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
249	CH345449	Nguyễn Thái Khánh	Huyền	Nguyễn Thái Khánh Huyền	Nữ	2002	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
250	CH345448	Nguyễn Thanh	Huyền	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
251	CH345450	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Nữ	2002	Son La	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
252	CH345451	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
253	CH345452	Phạm Thị Thu	Huyền	Phạm Thị Thu Huyền	Nữ	2001	Bình Phước	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
254	CH345453	Phùng Thu	Huyền	Phùng Thu Huyền	Nữ	2003	Lào Cai	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
255	CH345454	Trần Khánh	Huyền	Trần Khánh Huyền	Nữ	2003	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh thương mại
256	CH345455	Trần Phương	Huyền	Trần Phương Huyền	Nữ	2003	Lào Cai	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị nhân lực
257	CH345456	Bùi Thọ	Hưng	Bùi Thọ Hưng	Nam	2003	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế quốc tế
258	CH345457	Nguyễn Quốc	Hưng	Nguyễn Quốc Hưng	Nam	2003	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế học
259	CH345458	Trịnh Quốc	Hưng	Trịnh Quốc Hưng	Nam	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế học
260	CH345459	Trịnh Thế	Hưng	Trịnh Thế Hưng	Nam	2003	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
261	CH345460	Bùi Mai	Hương	Bùi Mai Hương	Nữ	2003	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế đầu tư
262	CH345461	Bùi Thị	Hương	Bùi Thị Hương	Nữ	1992	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
263	CH345462	Đinh Thị Mai	Hương	Đinh Thị Mai Hương	Nữ	2002	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
264	CH345463	Hoàng Thị Mai	Hương	Hoàng Thị Mai Hương	Nữ	2002	Quảng Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
265	CH345464	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
266	CH345465	Nguyễn Thu	Hương	Nguyễn Thu Hương	Nữ	2003	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
267	CH345466	Phạm Mai	Hương	Phạm Mai Hương	Nữ	1997	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
268	CH345466	Phan Quỳnh	Hương	Phan Quỳnh Hương	Nữ	2003	Cà Mau	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
269	CH345467	Phan Thị Thanh	Hương	Phan Thị Thanh Hương	Nữ	1998	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế và quản lý thương mại
270	CH345468	Phan Thu	Hương	Phan Thu Hương	Nữ	2002	Son La	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
271	CH345470	Trần Mai	Hương	Trần Mai Hương	Nữ	1996	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
272	CH345471	Trần Thu	Hương	Trần Thu Hương	Nữ	2002	Tuyên Quang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh quốc tế
273	CH345481	Tòng Thanh	Kiên	Tòng Thanh Kiên	Nam	2001	Son La	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
274	CH345482	Trần Trung	Kiên	Trần Trung Kiên	Nam	2002	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
275	CH345484	Bùi Tuấn	Kiệt	Bùi Tuấn Kiệt	Nam	2002	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
276	CH345485	Đinh Thế	Kiệt	Đinh Thế Kiệt	Nam	2001	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
277	CH345486	Nguyễn Tân Tuấn	Kiệt	Nguyễn Tân Tuấn Kiệt	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
278	CH345487	Trần Anh	Kiệt	Trần Anh Kiệt	Nam	2003	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế quốc tế
279	CH345483	Đào Thúy	Kiều	Đào Thúy Kiều	Nữ	1999	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
280	CH345472	Lê Hoàng Bảo	Khanh	Lê Hoàng Bảo Khanh	Nữ	1997	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh quốc tế
281	CH345473	Dương Đức	Khánh	Dương Đức Khánh	Nam	2000	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
282	CH345474	Hoàng Gia	Khánh	Hoàng Gia Khánh	Nam	2003	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
283	CH345475	Nguyễn Lê Văn	Khánh	Nguyễn Lê Văn Khánh	Nam	2002	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
284	CH345476	Nguyễn Quang	Khánh	Nguyễn Quang Khánh	Nam	2003	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
285	CH345477	Vũ Ngọc	Khánh	Vũ Ngọc Khánh	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
286	CH345478	Nguyễn Anh	Khoa	Nguyễn Anh Khoa	Nam	1991	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Toàn Kinh tế - Tài chính
287	CH345479	Nguyễn Trường	Khoa	Nguyễn Trường Khoa	Nam	1993	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế và quản lý môi trường
288	CH345480	Lê Minh	Khuê	Lê Minh Khuê	Nữ	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
289	CH345488	Bùi Thanh	Lam	Bùi Thanh Lam	Nữ	2004	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
290	CH345489	Trần Thanh	Lam	Trần Thanh Lam	Nữ	2003	Vĩnh Phúc	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
291	CH345490	Nguyễn Thị Thương	Lan	Nguyễn Thị Thương Lan	Nữ	1990	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
292	CH345491	Tăng Ngọc	Lan	Tăng Ngọc Lan	Nữ	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
293	CH345492	Trần Thị Phương	Lan	Trần Thị Phương Lan	Nữ	2003	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
294	CH345493	Đinh Nguyễn Tùng	Lâm	Đinh Nguyễn Tùng Lâm	Nữ	2003	Quảng Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
295	CH345494	Lê Trương	Lâm	Lê Trương Lâm	Nam	2000	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
296	CH345495	Đào Đình	Lập	Đào Đình Lập	Nam	1998	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế đầu tư
297	CH345496	Nguyễn Thanh	Liêm	Nguyễn Thanh Liêm	Nam	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
298	CH345497	Phạm Thị Quỳnh	Liên	Phạm Thị Quỳnh Liên	Nữ	1991	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
299	CH345498	Bùi Phương	Linh	Bùi Phương Linh	Nữ	2002	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Luật kinh tế
300	CH345499	Dư Trang	Linh	Dư Trang Linh	Nữ	1999	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
301	CH345500	Đoàn Khánh	Linh	Đoàn Khánh Linh	Nữ	2003	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
302	CH345501	Đỗ Phương	Linh	Đỗ Phương Linh	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh (Viện)
303	CH345502	Đỗ Thị Thủy	Linh	Đỗ Thị Thủy Linh	Nữ	2003	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị nhân lực
304	CH345503	Hoàng Thủy	Linh	Hoàng Thủy Linh	Nữ	2001	Lạng Sơn	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
305	CH345504	Kiều Khánh	Linh	Kiều Khánh Linh	Nữ	1997	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
306	CH345505	Lê Thị Bảo	Linh	Lê Thị Bảo Linh	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
307	CH345506	Lê Thuý	Linh	Lê Thuý Linh	Nữ	2001	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
308	CH345507	Lê Thùy	Linh	Lê Thùy Linh	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
309	CH345508	Ngô Lê Phương	Linh	Ngô Lê Phương Linh	Nữ	2003	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
310	CH345509	Nguyễn Diệu	Linh	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
311	CH345510	Nguyễn Diệu	Linh	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	2002	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh quốc tế
312	CH345511	Nguyễn Đỗ Khánh	Linh	Nguyễn Đỗ Khánh Linh	Nữ	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
313	CH345512	Nguyễn Hải	Linh	Nguyễn Hải Linh	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
314	CH345513	Nguyễn Hoài	Linh	Nguyễn Hoài Linh	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
315	CH345514	Nguyễn Huy Tuấn	Linh	Nguyễn Huy Tuấn Linh	Nam	2000	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
316	CH345515	Nguyễn Khánh	Linh	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	2002	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
317	CH345516	Nguyễn Mỹ	Linh	Nguyễn Mỹ Linh	Nữ	2003	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
318	CH345517	Nguyễn Ngọc	Linh	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	2002	Son La	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
319	CH345518	Nguyễn Ngọc Tùng	Linh	Nguyễn Ngọc Tùng Linh	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị nhân lực
320	CH345519	Nguyễn Phương	Linh	Nguyễn Phương Linh	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế đầu tư
321	CH345520	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	2001	Hà Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
322	CH345521	Nguyễn Thị Mai	Linh	Nguyễn Thị Mai Linh	Nữ	2002	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
323	CH345522	Nguyễn Thị Phương	Linh	Nguyễn Thị Phương Linh	Nữ	2003	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
324	CH345523	Nguyễn Thị Thủy	Linh	Nguyễn Thị Thủy Linh	Nữ	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh

DANH SÁCH HỌC HỌC VIÊN TRÚNG TUYỂN CAO HỌC K34 ĐỢT 2 NĂM 2025

STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Hình thức học	Chương trình đào tạo
325	CH345524	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	2002	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
326	CH345525	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	2002	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
327	CH345529	Phạm Diệu	Linh	Phạm Diệu Linh	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
328	CH345530	Phạm Ngọc	Linh	Phạm Ngọc Linh	Nữ	2001	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
329	CH345531	Phạm Thị Phương	Linh	Phạm Thị Phương Linh	Nữ	2003	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế và quản lý thương mại
330	CH345532	Phạm Thị Thùy	Linh	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	1997	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
331	CH345526	Phan Khánh	Linh	Phan Khánh Linh	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
332	CH345527	Phan Thị Khánh	Linh	Phan Thị Khánh Linh	Nữ	2002	Đà Nẵng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
333	CH345528	Phan Thị Phương	Linh	Phan Thị Phương Linh	Nữ	2000	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
334	CH345533	Trần Lữ Khánh	Linh	Trần Lữ Khánh Linh	Nữ	2002	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
335	CH345534	Trần Mỹ	Linh	Trần Mỹ Linh	Nữ	2003	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế và quản lý thương mại
336	CH345535	Hoàng Lê Quỳnh	Loan	Hoàng Lê Quỳnh Loan	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
337	CH345536	Dương Thành	Long	Dương Thành Long	Nam	2003	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
338	CH345537	Nguyễn Thành	Long	Nguyễn Thành Long	Nam	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
339	CH345538	Nguyễn Như	Lộc	Nguyễn Như Lộc	Nam	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
340	CH345539	Đào Thị Diệu	Ly	Đào Thị Diệu Ly	Nữ	2003	Lạng Sơn	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế và quản lý địa chính
341	CH345540	Nguyễn Huyền	Ly	Nguyễn Huyền Ly	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
342	CH345541	Nguyễn Phương	Ly	Nguyễn Phương Ly	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
343	CH345542	Phạm Khánh	Ly	Phạm Khánh Ly	Nữ	1993	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý
344	CH345543	Phạm Nguyễn Hà	Ly	Phạm Nguyễn Hà Ly	Nữ	2000	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
345	CH345544	Lê Hiền	Mai	Lê Hiền Mai	Nữ	2003	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
346	CH345545	Nông Thị Quỳnh	Mai	Nông Thị Quỳnh Mai	Nữ	2000	Bắc Cạn	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
347	CH345546	Phạm Hà Thanh	Mai	Phạm Hà Thanh Mai	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
348	CH345547	Phạm Nguyễn Ngọc	Mai	Phạm Nguyễn Ngọc Mai	Nữ	2001	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh quốc tế
349	CH345548	Đậu Đình	Mạnh	Đậu Đình Mạnh	Nam	2002	Khánh Hòa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
350	CH345549	Nguyễn Đức	Mạnh	Nguyễn Đức Mạnh	Nam	2001	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
351	CH345550	Nguyễn Văn	Mạnh	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	2003	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
352	CH345551	Trần Đức	Mạnh	Trần Đức Mạnh	Nam	1999	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
353	CH345552	Võ Trí	Mạnh	Võ Trí Mạnh	Nam	2002	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh (Viễn)
354	CH345553	Bùi Ngọc	Minh	Bùi Ngọc Minh	Nam	2001	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
355	CH345554	Lại Hà	Minh	Lại Hà Minh	Nữ	2002	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
356	CH345555	Lê Khang	Minh	Lê Khang Minh	Nam	2003	Vĩnh Phúc	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
357	CH345556	Mạc Hải	Minh	Mạc Hải Minh	Nữ	2003	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
358	CH345557	Nguyễn Hoàng	Minh	Nguyễn Hoàng Minh	Nam	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
359	CH345558	Nguyễn Ngọc	Minh	Nguyễn Ngọc Minh	Nữ	2002	Hòa Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Luật kinh tế
360	CH345559	Nguyễn Ngọc	Minh	Nguyễn Ngọc Minh	Nữ	2002	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
361	CH345560	Nguyễn Tuấn	Minh	Nguyễn Tuấn Minh	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế chính trị
362	CH345561	Tô Nhật	Minh	Tô Nhật Minh	Nam	2001	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế chính trị
363	CH345562	Vũ Đăng Tường	Minh	Vũ Đăng Tường Minh	Nam	2001	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế và quản lý thương mại
364	CH345563	Vũ Thị Nhật	Minh	Vũ Thị Nhật Minh	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
365	CH345564	Hà Thị Trà	My	Hà Thị Trà My	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
366	CH345565	Hoàng Thị Trà	My	Hoàng Thị Trà My	Nữ	2002	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
367	CH345566	Nguyễn Thị Trà	My	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	2003	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
368	CH345567	Nguyễn Trà	My	Nguyễn Trà My	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
369	CH345568	Nguyễn Trà	My	Nguyễn Trà My	Nữ	2003	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
370	CH345569	Phạm Hà	My	Phạm Hà My	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Luật kinh tế
371	CH345570	Vũ Huyền	My	Vũ Huyền My	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
372	CH345571	Vũ Huyền	My	Vũ Huyền My	Nữ	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh quốc tế
373	CH345572	Ngô Thế	Nam	Ngô Thế Nam	Nam	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế đầu tư
374	CH345573	Nguyễn Đình	Nam	Nguyễn Đình Nam	Nam	1999	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
375	CH345622	Trần Thị Den	Ny	Trần Thị Den Ny	Nữ	1989	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Luật kinh tế
376	CH345574	Hoàng Thuý	Nga	Hoàng Thuý Nga	Nữ	1999	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
377	CH345575	Phạm Thị Thúy	Nga	Phạm Thị Thúy Nga	Nữ	2003	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế đầu tư
378	CH345576	Đoàn Thu	Ngân	Đoàn Thu Ngân	Nữ	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế đầu tư
379	CH345577	Giang Thị Kim	Ngân	Giang Thị Kim Ngân	Nữ	1988	Hòa Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị nhân lực
380	CH345578	Lê Kim	Ngân	Lê Kim Ngân	Nữ	2003	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
381	CH345579	Lê Thị	Ngân	Lê Thị Ngân	Nữ	2002	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị nhân lực
382	CH345580	Nguyễn Lê Thanh	Ngân	Nguyễn Lê Thanh Ngân	Nữ	2002	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
383	CH345581	Phạm Thị	Ngân	Phạm Thị Ngân	Nữ	2000	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
384	CH345582	Trần Hoàng	Ngân	Trần Hoàng Ngân	Nữ	2000	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
385	CH345583	Trần Thị My	Ngân	Trần Thị My Ngân	Nữ	2000	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế quốc tế
386	CH345584	Lê Thị Bích	Ngọc	Lê Thị Bích Ngọc	Nữ	2002	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
387	CH345585	Ngô Thị Bích	Ngọc	Ngô Thị Bích Ngọc	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
388	CH345586	Nguyễn Mỹ	Ngọc	Nguyễn Mỹ Ngọc	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
389	CH345587	Phạm Hồng	Ngọc	Phạm Hồng Ngọc	Nữ	2002	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế đầu tư
390	CH345588	Trần Hà	Ngọc	Trần Hà Ngọc	Nữ	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
391	CH345589	Trần Ngô Bích	Ngọc	Trần Ngô Bích Ngọc	Nữ	1996	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
392	CH345590	Vũ Yên	Ngọc	Vũ Yên Ngọc	Nữ	2003	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
393	CH345591	Bach Thị Thảo	Nguyễn	Bach Thị Thảo Nguyễn	Nữ	2001	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
394	CH345592	Nguyễn Đăng Khôi	Nguyễn	Nguyễn Đăng Khôi Nguyễn	Nam	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
395	CH345593	Nguyễn Hà	Nguyễn	Nguyễn Hà Nguyễn	Nữ	2002	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
396	CH345594	Nguyễn Thùy	Nguyễn	Nguyễn Thùy Nguyễn	Nữ	2001	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
397	CH345595	Trần Trung	Nguyễn	Trần Trung Nguyễn	Nam	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
398	CH345596	Lê Anh	Nguyễn	Lê Anh Nguyễn	Nữ	2002	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
399	CH345597	Nguyễn Thị	Nguyễn	Nguyễn Thị Nguyễn	Nữ	2002	Vĩnh Phúc	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
400	CH345599	Lê Thị Trang	Nhã	Lê Thị Trang Nhã	Nữ	2001	Cần Thơ	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
401	CH345600	Nguyễn Trần Khánh	Nhã	Nguyễn Trần Khánh Nhã	Nữ	2003	Quảng Trị	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
402	CH345598	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Nữ	1999	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
403	CH345601	Đinh Trọng	Nhân	Đinh Trọng Nhân	Nam	2003	Hà Giang	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế quốc tế
404	CH345602	Phan Quý	Nhân	Phan Quý Nhân	Nam	2003	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
405	CH345603	Nguyễn Long	Nhật	Nguyễn Long Nhật	Nam	2003	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn

DANH SÁCH HỌC HỌC VIÊN TRÚNG TUYỂN CAO HỌC K34 ĐỢT 2 NĂM 2025

STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Hình thức học	Chương trình đào tạo
406	CH345604	Nguyễn Xuân	Nhật	Nguyễn Xuân Nhật	Nữ	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
407	CH345605	Đoàn Quỳnh	Nhi	Đoàn Quỳnh Nhi	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
408	CH345606	Đỗ Yến	Nhi	Đỗ Yến Nhi	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
409	CH345607	Hoàng Thị Yến	Nhi	Hoàng Thị Yến Nhi	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
410	CH345608	Lê Yến	Nhi	Lê Yến Nhi	Nữ	2002	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
411	CH345609	Thái Lâm	Nhi	Thái Lâm Nhi	Nữ	2003	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
412	CH345610	Trần Ngọc Bảo	Nhi	Trần Ngọc Bảo Nhi	Nữ	2002	Tuyên Quang	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
413	CH345612	Trần Tô Thị Phương	Nhi	Trần Tô Thị Phương Nhi	Nữ	2001	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Hệ thống thông tin quản lý
414	CH345611	Trần Thị Thảo	Nhi	Trần Thị Thảo Nhi	Nữ	2003	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn
415	CH345613	Đỗ Hồng	Nhung	Đỗ Hồng Nhung	Nữ	2002	Hà Tây	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
416	CH345614	Hoàng Hồng	Nhung	Hoàng Hồng Nhung	Nữ	2000	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế quốc tế
417	CH345617	Nông Trang	Nhung	Nông Trang Nhung	Nữ	2001	Cao Bằng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
418	CH345615	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	2002	Vĩnh Phúc	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
419	CH345616	Nguyễn Thị Trang	Nhung	Nguyễn Thị Trang Nhung	Nữ	2001	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
420	CH345618	Phạm Minh	Nhung	Phạm Minh Nhung	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh thương mại
421	CH345619	Phạm Trang	Nhung	Phạm Trang Nhung	Nữ	2001	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
422	CH345620	Vũ Hồng	Nhung	Vũ Hồng Nhung	Nữ	2003	Lào Cai	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
423	CH345621	Vũ Thị Hồng	Nhung	Vũ Thị Hồng Nhung	Nữ	1992	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
424	CH345623	Nguyễn Thị	Oanh	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	1997	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
425	CH345624	Trần Thị	Oanh	Trần Thị Oanh	Nữ	1996	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
426	CH345625	Nguyễn Hữu	Phát	Nguyễn Hữu Phát	Nam	2003	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
427	CH345626	Nguyễn Hồng	Phúc	Nguyễn Hồng Phúc	Nam	2003	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
428	CH345627	Tô Minh	Phúc	Tô Minh Phúc	Nam	2002	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
429	CH345643	Vũ Đức	Phước	Vũ Đức Phước	Nam	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị nhân lực
430	CH345628	Bùi Bích	Phương	Bùi Bích Phương	Nữ	1994	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Toán Kinh tế - Tài chính
431	CH345629	Bùi Mai	Phương	Bùi Mai Phương	Nữ	2003	Lào Cai	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
432	CH345630	Đặng Hoàng	Phương	Đặng Hoàng Phương	Nữ	1998	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
433	CH345631	Đặng Thảo	Phương	Đặng Thảo Phương	Nữ	2003	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
434	CH345632	Đỗ Thu	Phương	Đỗ Thu Phương	Nữ	2002	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
435	CH345633	Lê Thị Thanh	Phương	Lê Thị Thanh Phương	Nữ	2003	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
436	CH345634	Nguyễn Lan	Phương	Nguyễn Lan Phương	Nữ	2003	Vĩnh Phúc	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
437	CH345635	Nguyễn Minh	Phương	Nguyễn Minh Phương	Nữ	2003	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
438	CH345636	Nguyễn Thị Hà	Phương	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	2001	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
439	CH345637	Nguyễn Thu	Phương	Nguyễn Thu Phương	Nữ	2003	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
440	CH345638	Nguyễn Thủy	Phương	Nguyễn Thủy Phương	Nữ	1998	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
441	CH345639	Phạm Mai	Phương	Phạm Mai Phương	Nữ	2000	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
442	CH345640	Phạm Thu	Phương	Phạm Thu Phương	Nữ	2003	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
443	CH345641	Tăng Minh	Phương	Tăng Minh Phương	Nữ	2001	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
444	CH345642	Trần Thị	Phương	Trần Thị Phương	Nữ	1995	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị nhân lực
445	CH345644	Đặng Nhật	Quang	Đặng Nhật Quang	Nam	2002	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
446	CH345645	Nguyễn Tho	Quân	Nguyễn Tho Quân	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
447	CH345646	Nguyễn Trung	Quân	Nguyễn Trung Quân	Nam	2000	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
448	CH345647	Nguyễn Việt	Quân	Nguyễn Việt Quân	Nam	1994	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
449	CH345648	Phạm Hồng	Quân	Phạm Hồng Quân	Nam	2000	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
450	CH345649	Trần Minh	Quân	Trần Minh Quân	Nam	2003	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
451	CH345650	Vũ Minh	Quân	Vũ Minh Quân	Nam	2003	Vĩnh Phúc	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
452	CH345665	Phạm Bá	Quý	Phạm Bá Quý	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
453	CH345651	Mạc Lê Huệ	Quyên	Mạc Lê Huệ Quyên	Nữ	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
454	CH345652	Phạm Thảo	Quyên	Phạm Thảo Quyên	Nữ	2002	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
455	CH345653	Nguyễn Văn	Quyết	Nguyễn Văn Quyết	Nam	2002	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
456	CH345654	Nguyễn Văn	Quyết	Nguyễn Văn Quyết	Nam	2003	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
457	CH345655	Lê Thị	Quỳnh	Lê Thị Quỳnh	Nữ	2001	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế nông nghiệp
458	CH345656	Nguyễn Lê Ngọc	Quỳnh	Nguyễn Lê Ngọc Quỳnh	Nữ	2002	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
459	CH345657	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Nữ	2002	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Toán Kinh tế - Tài chính
460	CH345658	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	Nữ	2003	Hà Tây	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
461	CH345659	Nguyễn Thủy	Quỳnh	Nguyễn Thủy Quỳnh	Nữ	2002	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
462	CH345661	Phạm Trúc	Quỳnh	Phạm Trúc Quỳnh	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
463	CH345660	Phan Mai	Quỳnh	Phan Mai Quỳnh	Nữ	2003	Hà Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
464	CH345662	Tạ Mạnh	Quỳnh	Tạ Mạnh Quỳnh	Nam	2001	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
465	CH345663	Trần Thủy	Quỳnh	Trần Thủy Quỳnh	Nữ	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
466	CH345664	Vũ Thị Kim	Quỳnh	Vũ Thị Kim Quỳnh	Nữ	2000	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
467	CH345666	Nguyễn Hoàng Ánh Mai	Sao	Nguyễn Hoàng Ánh Mai Sao	Nữ	2003	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
468	CH345667	Đặng Thái	Son	Đặng Thái Son	Nam	2003	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
469	CH345668	Lê Thanh	Son	Lê Thanh Son	Nam	2002	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
470	CH345669	Nguyễn Hải	Son	Nguyễn Hải Son	Nam	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
471	CH345670	Thần Thái	Son	Thần Thái Son	Nam	2001	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
472	CH345671	Trần Tuấn	Son	Trần Tuấn Son	Nam	2003	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
473	CH345672	Nguyễn Danh	Tài	Nguyễn Danh Tài	Nam	2002	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
474	CH345673	Đào Minh	Tâm	Đào Minh Tâm	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
475	CH345674	Đào Thị Thanh	Tâm	Đào Thị Thanh Tâm	Nữ	2002	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
476	CH345675	Lưu Thị Thanh	Tâm	Lưu Thị Thanh Tâm	Nữ	2003	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
477	CH345676	Nguyễn Thanh	Tâm	Nguyễn Thanh Tâm	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh bất động sản
478	CH345677	Vũ Thị Thanh	Tâm	Vũ Thị Thanh Tâm	Nữ	2002	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
479	CH345721	Nguyễn Quốc	Tiến	Nguyễn Quốc Tiến	Nam	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
480	CH345770	Nguyễn Hữu	Tú	Nguyễn Hữu Tú	Nam	2001	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
481	CH345755	Đào Thanh	Tuấn	Đào Thanh Tuấn	Nam	2001	Bắc Cạn	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
482	CH345756	Đỗ Minh	Tuấn	Đỗ Minh Tuấn	Nam	2003	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
483	CH345757	Hoàng Quốc	Tuấn	Hoàng Quốc Tuấn	Nam	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
484	CH345758	Khuất Quang	Tuấn	Khuất Quang Tuấn	Nam	1991	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Hệ thống thông tin quản lý
485	CH345759	Nguyễn Đình	Tuấn	Nguyễn Đình Tuấn	Nam	2002	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
486	CH345760	Nguyễn Minh	Tuấn	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	2002	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách

DANH SÁCH HỌC HỌC VIÊN TRÚNG TUYỂN CAO HỌC K34 ĐỢT 2 NĂM 2025

STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Hình thức học	Chương trình đào tạo
487	CH345761	Nguyễn Quang	Tuấn	Nguyễn Quang Tuấn	Nam	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
488	CH345763	Phạm Đình	Tuấn	Phạm Đình Tuấn	Nam	1994	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
489	CH345762	Phan Anh	Tuấn	Phan Anh Tuấn	Nam	1994	Vĩnh Phúc	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
490	CH345764	Trương Đức	Tuấn	Trương Đức Tuấn	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
491	CH345766	Lê Thanh	Tùng	Lê Thanh Tùng	Nam	1997	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
492	CH345767	Nguyễn Sơn	Tùng	Nguyễn Sơn Tùng	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
493	CH345768	Nguyễn Thanh	Tùng	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	1988	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh bất động sản
494	CH345769	Vũ Đức	Tùng	Vũ Đức Tùng	Nam	2003	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
495	CH345765	Trương Thị	Tuyết	Trương Thị Tuyết	Nữ	2003	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế quốc tế
496	CH345695	Hồ Minh	Thái	Hồ Minh Thái	Nam	2001	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
497	CH345696	Vũ Danh	Thái	Vũ Danh Thái	Nam	2003	Yên Bái	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
498	CH345678	Đoàn Phương	Thanh	Đoàn Phương Thanh	Nữ	2002	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
499	CH345679	Hoàng Hà	Thanh	Hoàng Hà Thanh	Nam	1992	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
500	CH345680	Nguyễn Phương	Thanh	Nguyễn Phương Thanh	Nữ	2002	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
501	CH345681	Phạm Thị	Thanh	Phạm Thị Thanh	Nữ	2001	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
502	CH345682	Phạm Thị Thanh	Thanh	Phạm Thị Thanh Thanh	Nữ	1998	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
503	CH345683	Nguyễn Tuấn	Thành	Nguyễn Tuấn Thành	Nam	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
504	CH345684	Vũ Văn	Thành	Vũ Văn Thành	Nam	2002	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế quốc tế
505	CH345685	Đinh Ngọc	Thảo	Đinh Ngọc Thảo	Nữ	2002	Son La	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
506	CH345686	Đoàn Phương	Thảo	Đoàn Phương Thảo	Nữ	2003	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
507	CH345687	Lê Thị Phương	Thảo	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
508	CH345688	Lê Thu	Thảo	Lê Thu Thảo	Nữ	1994	Lạng Sơn	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
509	CH345689	Nguyễn Phương	Thảo	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	2001	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
510	CH345690	Nguyễn Thu	Thảo	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	2002	Hưng Yên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
511	CH345691	Phạm Huyền Thạch	Thảo	Phạm Huyền Thạch Thảo	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
512	CH345692	Phạm Lê Phương	Thảo	Phạm Lê Phương Thảo	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
513	CH345693	Vũ Phương	Thảo	Vũ Phương Thảo	Nữ	2000	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
514	CH345694	Vũ Phương	Thảo	Vũ Phương Thảo	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
515	CH345697	Nguyễn Ngọc	Thắng	Nguyễn Ngọc Thắng	Nam	1999	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
516	CH345698	Nguyễn Văn	Thắng	Nguyễn Văn Thắng	Nam	1996	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
517	CH345699	Trần Đức	Thắng	Trần Đức Thắng	Nam	1998	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
518	CH345700	Nghiêm Đình	Thế	Nghiêm Đình Thế	Nam	2000	Bắc Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
519	CH345701	Hoàng Hữu	Thiện	Hoàng Hữu Thiện	Nam	2000	Thừa Thiên Huế	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
520	CH345702	Nguyễn Đức	Thiện	Nguyễn Đức Thiện	Nam	1989	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
521	CH345703	Dương Văn	Thiện	Dương Văn Thiện	Nam	1984	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
522	CH345704	Nguyễn Thị	Thom	Nguyễn Thị Thom	Nữ	1990	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
523	CH345705	Đào Minh	Thu	Đào Minh Thu	Nữ	2002	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
524	CH345706	Lâm Hoài	Thu	Lâm Hoài Thu	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
525	CH345707	Trần Thị Hoài	Thu	Trần Thị Hoài Thu	Nữ	1984	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
526	CH345708	Lưu Thị Minh	Thủy	Lưu Thị Minh Thủy	Nữ	1997	Quảng Nam	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
527	CH345709	Nguyễn Thu	Thủy	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	2000	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
528	CH345710	Lã Bích	Thủy	Lã Bích Thủy	Nữ	1997	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế nông nghiệp
529	CH345711	Phạm Thanh	Thủy	Phạm Thanh Thủy	Nữ	2001	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
530	CH345712	Trần Mai	Thủy	Trần Mai Thủy	Nữ	2003	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
531	CH345713	Trịnh Thị	Thủy	Trịnh Thị Thủy	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
532	CH345714	Vũ Thanh	Thủy	Vũ Thanh Thủy	Nữ	2003	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
533	CH345715	Hoàng Minh	Thư	Hoàng Minh Thư	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
534	CH345716	Nguyễn Anh	Thư	Nguyễn Anh Thư	Nữ	2002	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
535	CH345717	Nguyễn Anh	Thư	Nguyễn Anh Thư	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
536	CH345718	Tạ Thị Thu	Thư	Tạ Thị Thu Thư	Nữ	2001	Gia Lai	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kế toán, kiểm toán và phân tích
537	CH345719	Nguyễn Thị	Thương	Nguyễn Thị Thương	Nữ	1997	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
538	CH345720	Dương Văn	Thường	Dương Văn Thường	Nam	2003	Bắc Giang	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
539	CH345740	Đinh Thị	Trà	Đinh Thị Trà	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn
540	CH345722	Chu Thủy	Trang	Chu Thủy Trang	Nữ	2003	Hòa Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
541	CH345723	Đào Thị	Trang	Đào Thị Trang	Nữ	1990	Hà Nam	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
542	CH345724	Đinh Thị Thu	Trang	Đinh Thị Thu Trang	Nữ	1993	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
543	CH345725	Đoàn Thị Đoàn	Trang	Đoàn Thị Đoàn Trang	Nữ	2003	Quảng Trị	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
544	CH345726	Lê Quỳnh	Trang	Lê Quỳnh Trang	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
545	CH345727	Ngô Hà	Trang	Ngô Hà Trang	Nữ	2001	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
546	CH345728	Nguyễn Thị Hạnh	Trang	Nguyễn Thị Hạnh Trang	Nữ	2002	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế phát triển
547	CH345729	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	2000	Hà Tây	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
548	CH345730	Nguyễn Văn	Trang	Nguyễn Văn Trang	Nữ	2002	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Marketing
549	CH345731	Phạm Huyền	Trang	Phạm Huyền Trang	Nữ	2001	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
550	CH345732	Tô Thị Huyền	Trang	Tô Thị Huyền Trang	Nữ	2001	Hà Tây	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
551	CH345733	Trần Thị Quỳnh	Trang	Trần Thị Quỳnh Trang	Nữ	2001	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
552	CH345734	Trịnh Kiều	Trang	Trịnh Kiều Trang	Nữ	2003	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
553	CH345735	Vũ Hoàng	Trang	Vũ Hoàng Trang	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
554	CH345736	Vũ Minh	Trang	Vũ Minh Trang	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
555	CH345737	Vũ Phương	Trang	Vũ Phương Trang	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý công
556	CH345738	Vũ Thị Huyền	Trang	Vũ Thị Huyền Trang	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
557	CH345739	Vương Thị	Trang	Vương Thị Trang	Nữ	1993	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
558	CH345741	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	2002	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
559	CH345742	Vũ Ngọc	Trâm	Vũ Ngọc Trâm	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế phát triển
560	CH345743	Bùi Thị Ngọc	Trinh	Bùi Thị Ngọc Trinh	Nữ	2002	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
561	CH345744	Đặng Thị Mai	Trinh	Đặng Thị Mai Trinh	Nữ	2002	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
562	CH345745	Lê Huyền	Trinh	Lê Huyền Trinh	Nữ	2000	Hải Phòng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
563	CH345753	Bùi Thị Thanh	Trúc	Bùi Thị Thanh Trúc	Nữ	2003	Phủ Thọ	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
564	CH345746	Đặng Quang	Trung	Đặng Quang Trung	Nam	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Hệ thống thông tin quản lý
565	CH345747	Lê Nguyễn Thành	Trung	Lê Nguyễn Thành Trung	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
566	CH345748	Lê Thành	Trung	Lê Thành Trung	Nam	2001	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
567	CH345749	Nguyễn Phương	Trung	Nguyễn Phương Trung	Nam	2000	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng

DANH SÁCH HỌC HỌC VIÊN TRÚNG TUYỂN CAO HỌC K34 ĐỢT 2 NĂM 2025

STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Hình thức học	Chương trình đào tạo
568	CH345751	Nguyễn Tuấn	Trung	Nguyễn Tuấn Trung	Nam	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Kinh tế đầu tư
569	CH345750	Nguyễn Thành	Trung	Nguyễn Thành Trung	Nam	2003	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Logistics
570	CH345752	Phạm Đức	Trung	Phạm Đức Trung	Nam	2004	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
571	CH345754	Nguyễn Trọng	Trường	Nguyễn Trọng Trường	Nam	2002	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
572	CH345771	Hoàng Thị Thu	Uyên	Hoàng Thị Thu Uyên	Nữ	1999	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Hệ thống thông tin quản lý
573	CH345772	Lâm Thị Thảo	Uyên	Lâm Thị Thảo Uyên	Nữ	2002	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
574	CH345773	Trần Thu	Uyên	Trần Thu Uyên	Nữ	2002	Thái Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
575	CH345774	Hoàng Ngọc	Vân	Hoàng Ngọc Vân	Nữ	2002	Yên Bái	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
576	CH345775	Lê Thị Hồng	Vân	Lê Thị Hồng Vân	Nữ	2003	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
577	CH345776	Phạm Thị Hồng	Vân	Phạm Thị Hồng Vân	Nữ	2003	Nam Định	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
578	CH345777	Trần Thanh	Vân	Trần Thanh Vân	Nữ	2000	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị nhân lực
579	CH345778	Hoàng Minh	Vi	Hoàng Minh Vi	Nữ	2003	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
580	CH345779	Lê Hoàng	Việt	Lê Hoàng Việt	Nam	2002	Kon Tum	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
581	CH345780	Trịnh Văn	Việt	Trịnh Văn Việt	Nam	1991	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
582	CH345781	Lê Xuân	Vinh	Lê Xuân Vinh	Nam	2002	Thanh Hóa	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
583	CH345782	Trần Quang	Vinh	Trần Quang Vinh	Nam	2002	Quảng Ninh	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng
584	CH345783	Hoàng Tuấn	Vũ	Hoàng Tuấn Vũ	Nam	2003	Hà Tĩnh	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
585	CH345784	Nguyễn Trọng	Vũ	Nguyễn Trọng Vũ	Nam	2001	Hà Tây	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kinh tế học
586	CH345785	Lê Hoàng Thảo	Vy	Lê Hoàng Thảo Vy	Nữ	2003	Nghệ An	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Kế toán, kiểm toán và phân tích
587	CH345786	Nguyễn Thảo	Vy	Nguyễn Thảo Vy	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
588	CH345787	Nguyễn Thị Nguyệt	Vy	Nguyễn Thị Nguyệt Vy	Nữ	2000	Đà Nẵng	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh
589	CH345788	Trần Lê	Vy	Trần Lê Vy	Nữ	2002	Vĩnh Phúc	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản lý kinh tế và chính sách
590	CH345789	Trần Thảo	Vy	Trần Thảo Vy	Nữ	2002	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản trị nhân lực
591	CH345790	Nguyễn Thị	Xuân	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	2001	Thái Nguyên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Marketing
592	CH345791	Nguyễn Trinh	Xuân	Nguyễn Trinh Xuân	Nữ	2003	Điện Biên	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
593	CH345792	Nguyễn Văn	Xuân	Nguyễn Văn Xuân	Nam	2002	Hải Dương	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Quản trị kinh doanh
594	CH345793	Trần Thị Thanh	Xuân	Trần Thị Thanh Xuân	Nữ	2001	Ninh Bình	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Tài chính - Ngân hàng
595	CH345794	Ngô Hải	Yến	Ngô Hải Yến	Nữ	2002	Lào Cai	Định hướng ứng dụng – Vừa làm vừa học	Quản lý kinh tế và chính sách
596	CH345795	Nguyễn Ngọc	Yến	Nguyễn Ngọc Yến	Nữ	1999	Hà Nội	Định hướng ứng dụng – Chính quy	Tài chính - Ngân hàng

(Danh sách có 596 học viên)